

Họ và tên thí sinh:.....Số báo danh:.....

PHẦN I: (8,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Điểm cực Bắc trên đất liền nước ta có

- A. tín phong hoạt động, mùa đông lạnh, chế độ nhiệt độ có một cực đại và một cực tiểu.
- B. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh, mưa lớn cuối năm, mùa đông có gió mùa Đông Bắc.
- C. biên độ nhiệt trung bình năm lớn, gió phơn mạnh, bão hoạt động mạnh vào tháng 9
- D. tín phong hoạt động mạnh mẽ, không có bão nhiệt đới, biên độ nhiệt năm nhỏ.

Câu 2: Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. chủ yếu là đồi núi cao, đồng bằng mở rộng; cảnh quan rừng cận nhiệt đới gió mùa.
- B. gồm 4 cánh cung lớn, đồng bằng thu hẹp; cảnh quan rừng cận nhiệt đới gió mùa.
- C. chủ yếu là đồi núi thấp, đồng bằng mở rộng; cảnh quan rừng nhiệt đới gió mùa.
- D. chủ yếu là núi cao, địa hình ven biển đa dạng; cảnh quan rừng nhiệt đới gió mùa.

Câu 3: Ý nghĩa của phát triển du lịch nước ta về mặt kinh tế là

- A. tạo nguồn thu ngoại tệ, đóng góp vào xuất khẩu tại chỗ.
- B. tạo ra việc làm và tăng thu nhập cho cộng đồng dân cư.
- C. giúp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống.
- D. phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Câu 4: Quá trình đô thị hóa của nước ta có các biểu hiện chủ yếu là

- A. chức năng, quy mô dân số, hệ thống giao thông vận tải.
- B. các loại hình dịch vụ, chức năng, quy mô của các đô thị.
- C. mức sống dân cư, tỉ lệ thất nghiệp, quy mô của các đô thị.
- D. tỉ lệ dân số thành thị, cơ sở hạ tầng, quy mô của các đô thị.

Câu 5: Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là

- A. đường bờ biển dài, nhiều ngư trường, hải sản phong phú.
- B. nhiều sông suối, ao hồ, bãi triều, đầm phá, vũng, vịnh.
- C. có nhiều sông suối, kênh rạch, ao, hồ, ngư trường rộng lớn.
- D. diện tích mặt nước rộng, đầu tư kĩ thuật nuôi trồng tiến bộ.

Câu 6: Ngành trồng cây công nghiệp của nước ta hiện nay

- A. phát triển theo chiều sâu, gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm.
- B. đẩy mạnh sản xuất và chế biến nông sản đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.
- C. phân bố rộng khắp ở các vùng trên cả nước, cơ cấu diện tích có sự thay đổi.
- D. áp dụng rộng rãi công nghệ cao để nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm.

Câu 7: Ngành công nghiệp sản xuất giấy dép ở nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Lao động trình độ cao, phân bố rộng khắp cả nước, nhu cầu thị trường lớn.
- B. Phát triển nhanh và trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực, thị trường rộng lớn.
- C. Mới được hình thành và phát triển từ đầu thế kỉ XX, nhu cầu ngày càng tăng.
- D. Nguyên liệu sản xuất trong nước dồi dào, nguồn lao động đông đảo, giá rẻ.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

- A. Chăn nuôi gia cầm là một trong những nguồn cung cấp thịt chủ yếu.
- B. Tổng đàn gia cầm và đàn dê, cừu đều tăng mạnh do nhu cầu tăng.

C. Tổng đàn trâu cả nước giảm, tổng đàn bò có xu hướng tăng nhanh.

D. Sản phẩm chăn nuôi gia cầm chủ yếu đáp ứng thị trường xuất khẩu.

Câu 9: Sự xuất hiện của các sinh vật cận nhiệt ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chủ yếu do tác động kết hợp của

A. vị trí địa lí và sự phân hóa đa dạng của khí hậu.

B. sự phân hóa khí hậu theo mùa và theo độ cao.

C. độ cao địa hình và sự đa dạng của các loại đất.

D. gió mùa Đông Bắc, hướng và độ cao địa hình.

Câu 10: Sông ngòi nước ta nhiều phù sa chủ yếu do tác động của

A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, thảm thực vật, tính chất đất đá.

B. mưa lớn theo mùa, đồi núi rộng, tính chất đất đá và thực vật.

C. hai mùa mưa và khô, tính chất đất đá, địa hình các đồng bằng.

D. mưa nhiều, địa hình đồi núi dốc, loài thực vật, đất nhiều loại.

Câu 11: Bắc Trung Bộ có nhiều thiên tai chủ yếu do tác động kết hợp của

A. hướng các dãy núi chính, Tín Phong, gió mùa, biến đổi khí hậu, dải hội tụ.

B. hình dáng lãnh thổ, áp thấp, dòng biển, địa hình, các loại gió trong năm.

C. vị trí địa lí, hình dáng lãnh thổ, sông ngòi, địa hình, hoàn lưu khí quyển.

D. vĩ độ địa lí, hướng nghiêng địa hình, con người, gió đông bắc và tây nam.

Câu 12: Hiện nay ở nhiều nơi tài nguyên đất của nước ta bị thoái hóa nghiêm trọng chủ yếu do

A. mất rừng, chế độ canh tác chưa hợp lí, đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn.

B. tác động của biến đổi khí hậu, ảnh hưởng của biển vào sâu trong đất liền.

C. chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất chưa hợp lí, hệ số sử dụng đất cao.

D. tác động của việc bón thuốc trừ sâu, trừ cỏ, chưa có biện pháp cải tạo.

Câu 13: Tây Bắc có mật độ dân số thấp hơn so với Đông Bắc chủ yếu do

A. khí hậu khắc nghiệt, địa hình hiểm trở, địa bàn của nhiều dân tộc thiểu số.

B. kinh tế còn lạc hậu, địa hình hiểm trở, cơ sở vật chất kĩ thuật hạn chế.

C. nhiều thiên tai, địa hình phân hóa đa dạng, quá trình đô thị hóa chậm.

D. địa hình hiểm trở, giao thông chưa phát triển, lịch sử khai thác muộn.

Câu 14: Đối với vấn đề việc làm của nước ta hiện nay, đâu là hướng giải quyết quan trọng nhất?

A. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về lao động, hỗ trợ tìm kiếm việc làm.

B. Đẩy mạnh việc đào tạo và dạy nghề, nâng cao chất lượng lao động.

C. Phát triển hệ thống tư vấn việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

D. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về lao động, mở rộng thị trường việc làm.

Câu 15: Đẩy mạnh phát triển nghề nuôi tôm ở nước ta trong những năm gần đây nhằm mục đích chủ yếu là

A. tạo nhiều nông sản, tăng mức sống, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế.

B. phát huy thế mạnh, tạo sản phẩm hàng hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

C. tạo ra sản phẩm hàng hóa, đa dạng sản xuất, nâng cao vị thế của vùng.

D. thu hút nguồn vốn đầu tư, mở rộng phân bố sản xuất, tạo nhiều việc làm.

Câu 16: Sản phẩm du lịch của nước ta ngày càng hấp dẫn nhiều du khách chủ yếu do

A. khai thác thế mạnh, đẩy mạnh quảng bá, đào tạo lao động.

B. ứng dụng công nghệ, đổi mới chính sách, tăng vốn đầu tư.

C. đa dạng hóa loại hình, mở rộng liên kết, ưu tiên thế hệ trẻ.

D. chất lượng sống tăng, hợp tác quốc tế, tôn tạo tài nguyên.

Câu 17: Biện pháp chủ yếu phát triển nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu là

A. tạo ra các giống mới, thay đổi cơ cấu cây trồng, chú trọng phát triển thủy lợi.

B. lựa chọn cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp, tạo giống mới, cải tạo đất trồng.

C. áp dụng công nghệ mới, chú trọng thâm canh, sử dụng nhiều phân bón hóa học.

D. phát triển công nghiệp chế biến, tăng độ phì cho đất, hiện đại hóa kênh mương.

Câu 18: Sản lượng công nghiệp khai thác than ở nước ta tăng nhanh trong vài năm trở lại đây là do

A. phát triển mạnh các nhà máy nhiệt điện và mở rộng thị trường tiêu thụ.

- B. chính sách phát triển công nghiệp của Nhà nước và mở rộng thị trường.
- C. mở rộng thị trường tiêu thụ và đầu tư trang thiết bị khai thác hiện đại.
- D. thu hút được nguồn vốn đầu tư nước ngoài lớn và đầu tư trang thiết bị.

Câu 19: Các khu vực có mức độ tập trung công nghiệp thấp chủ yếu là do

- A. thiếu lao động có chuyên môn kỹ thuật cao, thiếu vốn, cơ sở vật chất.
- B. thiếu nguồn nguyên liệu, cơ sở hạ tầng yếu kém và thị trường tiêu thụ.
- C. thiếu lực lượng lao động, nguồn nguyên liệu sản xuất, nguồn vốn đầu tư.
- D. thiếu nguồn vốn trong và ngoài nước, lực lượng lao động, nguyên liệu.

Câu 20: Việc hình thành mạng lưới giao thông đường bộ cao tốc ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu là

- A. thúc đẩy liên kết sản xuất, tăng công nghiệp hóa, hình thành đô thị.
- B. thu hút nguồn đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa, đáp ứng nhu cầu.
- C. hội nhập quốc tế, phát huy nguồn lực, nâng cao năng lực vận chuyển.
- D. phát triển ngành dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút dân cư.

PHẦN II. (7,2 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau

“Lãnh thổ Việt Nam tuy diện tích không rộng nhưng thiên nhiên lại rất đa dạng và có sự phân hóa phức tạp. Thiên nhiên thay đổi theo không gian ba chiều từ Bắc vào Nam; từ Đông sang Tây và từ thấp lên cao, đã hình thành nên nhiều khu vực tự nhiên ở các cấp phân vị khác nhau.”

(Nguồn: giáo trình địa lý tự nhiên Việt Nam 2 (Phần khu vực) NXB Đại học Sư phạm, 2024, tr.7).

- a) Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa phức tạp, thay đổi theo cả quy luật địa đới và quy luật phi địa đới.
- b) Cảnh quan tiêu biểu của vùng lãnh thổ phía Bắc nước ta là đới rừng nhiệt đới ẩm gió mùa với các loài thực vật phổ biến là họ đậu, dâu tằm,...
- c) Ở phần lãnh thổ phía Bắc, mùa đông ở đồng bằng có thể trồng các loại rau có nguồn gốc ôn đới.
- d) Tính chất nhiệt đới ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ tăng dần về phía nam chủ yếu do sự suy yếu của gió mùa Đông Bắc và hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2022 (Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2015	2017	2020	2022
Thành thị	16 913,8	17 416,1	18 171,9	19 211,9
Nông thôn	37 352,2	37 403,5	36 671,0	32 493,3

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

- a) Lực lượng lao động của nước ta đông và có xu hướng tăng trong giai đoạn 2015 - 2022.
- b) Từ năm 2020 đến năm 2022, tỉ trọng lao động thành thị tăng gần 6% còn tỉ trọng lao động nông thôn có xu hướng giảm.
- c) Tỉ lệ lao động thành thị nước ta hiện nay còn thấp chủ yếu là do quá trình công nghiệp hóa và phát triển đô thị còn chậm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế hạn chế.
- d) Để thể hiện qui mô lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo thành thị và nông thôn của nước ta giai đoạn 2015 - 2022, các dạng biểu đồ thích hợp là tròn, cột.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Ở nước ta, công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là ngành công nghiệp trẻ, phát triển mạnh từ những năm 2000 trở lại đây. Sản phẩm của ngành khá đa dạng, như linh kiện điện tử; thiết bị truyền thông; điện tử dân dụng; thiết bị và dụng cụ quang học; máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;... Các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ trong ngành đang được đẩy mạnh.

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 – Chân trời sáng tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, 2024, trang 73)

- a) Nước ta phát triển công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính trên cơ sở lợi thế về nguồn lao động, cơ sở hạ tầng và đầu tư nước ngoài.

- b) Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính tập trung nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và Trung du miền núi phía Bắc chủ yếu do có nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.
- c) Xuất khẩu điện tử, máy tính và linh kiện điện tử đóng góp quan trọng vào tổng kim ngạch xuất khẩu nước ta, chỉ đứng thứ hai sau nhóm sản phẩm dệt may - giày dép.
- d) Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính tác động lan tỏa đến sự phát triển các ngành liên quan, thúc đẩy nâng cao trình độ lao động và trình độ sản xuất trong nước.

Câu 4. Cho thông tin sau:

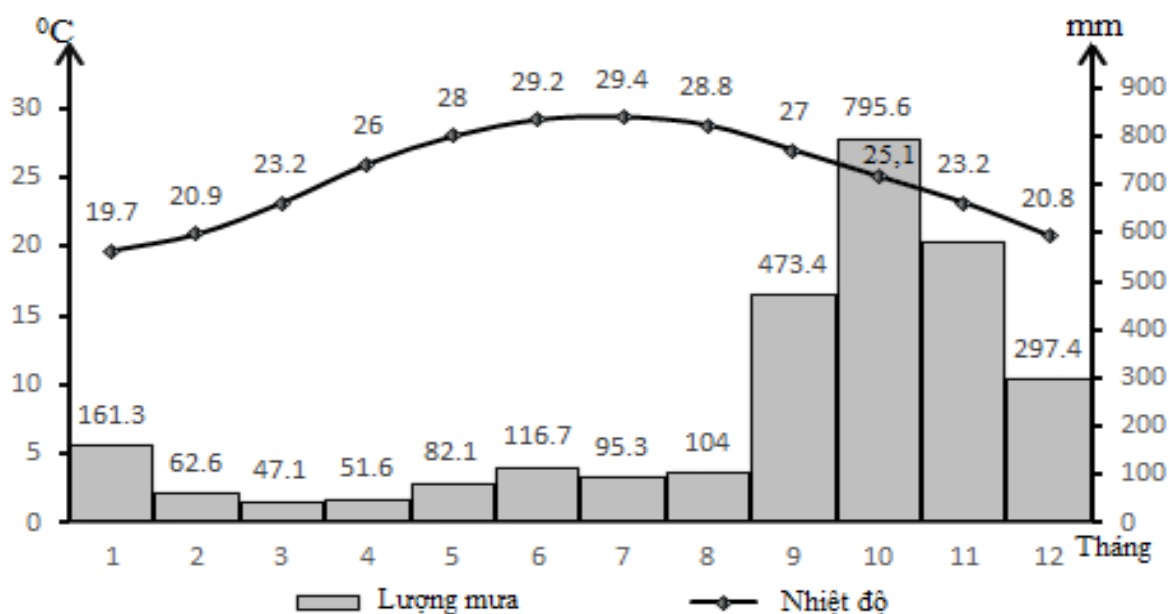
Giao thông vận tải hàng không ở nước ta phát triển nhanh cả về đường bay và cảng hàng không, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa, góp phần phục vụ yêu cầu kinh tế – xã hội, an ninh quốc phòng phù hợp với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập.

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 – Cánh Diều, NXB Đại học Sư phạm, 2024, trang 83)

- a) Đường hàng không là loại hình giao thông vận tải non trẻ ở nước ta nhưng có đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội đất nước.
- b) Các cảng hàng không cửa ngõ quốc tế, đầu mối vận tải hàng không lớn nhất nước ta hiện nay là Nội Bài (TP Hà Nội), Cát Bi (TP Hải Phòng) và Tân Sơn Nhất (TP Hồ Chí Minh).
- c) Mạng lưới cảng hàng không nước ta ngày càng được mở rộng và hiện đại hóa. Cả 6 vùng kinh tế (sau sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh 1/7/2025) đều có sân bay quốc tế, đáp ứng quá trình hội nhập quốc tế.
- d) Năng lực vận chuyển đường hàng không ngày càng cao do ứng dụng khoa học - công nghệ, tăng cường đội tàu bay và mở rộng mạng lưới đường bay.

Câu 5: Cho biểu đồ

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA Ở TRẠM KHÍ TƯỢNG HUẾ



(Nguồn: Thống kê Khí tượng – Thủy văn 2022)

- a) Nhiệt độ các tháng ở Huế đều đạt tiêu chuẩn nhiệt đới.
- b) Chế độ nhiệt và chế độ mưa của Huế có sự phân hóa rõ rệt theo thời gian và không gian.
- c) Tổng lượng mưa của Huế lớn nhưng có sự phân hóa trong năm, mưa nhiều nhất vào tháng 10, tháng khô nhất là tháng 3.
- d) Huế mưa nhiều vào tháng 10 do ảnh hưởng của bão và dải hội tụ nhiệt đới, gió mùa Tây Nam, gió Đông Bắc.

Câu 6: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA ĐÔNG XUÂN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2022

Năm	2010	2015	2020	2022
Diện tích (nghìn ha)	3 085,9	3 168,0	3 024,0	2 992,3
Sản lượng (nghìn tấn)	19 216,6	21 091,7	19 874,4	19 976,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

- a) Diện tích và sản lượng lúa đông xuân của nước ta giảm liên tục trong giai đoạn 2010 – 2022.
b) Năng suất lúa đông xuân có xu hướng tăng, năm 2022 năng suất lúa cao gấp 1,1 lần so với năm 2010.
c) Sản lượng lúa đông xuân tăng do diện tích tăng, điều kiện sản xuất thuận lợi và áp dụng khoa học kỹ thuật mới.
d) Để thể hiện năng suất lúa đông xuân của nước ta giai đoạn 2010 - 2022, dạng biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ kết hợp.

Phần III. (4,8 điểm). Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1. Cho bảng số liệu:

GDP của nước ta giai đoạn 2010 - 2020

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2010	2015	2018	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	421 253	489 989	535 022	565 987
Công nghiệp, xây dựng	904 775	1 778 887	2 561 274	2 955 806
Dịch vụ	1 113 126	2 190 376	2 955 777	3 365 060

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Tổng giá trị khu vực kinh tế sản xuất vật chất của nước ta năm 2020 tăng thêm bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến chữ số hàng đơn vị)

Câu 2. Theo kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, dân số Việt Nam thời điểm 01/4/2024 có dân số nam là 50,35 triệu người, chiếm 49,8%. Tính tỉ số giới tính của Việt Nam thời điểm đó. (Làm tròn kết quả đến chữ số hàng đơn vị)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Diện tích cây công nghiệp nước ta, giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị : Nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2021
Cây công nghiệp hàng năm	797,6	676,8	457,8	425,9
Cây công nghiệp lâu năm	2 015,5	2 150,5	2 185,8	2 200,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Tính tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp nước ta năm 2021 so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)

Câu 4. Năm 2021, GDP nước ta đạt 8,5 triệu tỉ đồng và tổng số dân là 95,8 triệu người. Đến năm 2022, GDP nước ta đạt 9,5 triệu tỉ đồng và số dân là 99,5 triệu người. Hãy cho biết GDP bình quân đầu người của nước ta năm 2022 tăng bao nhiêu triệu đồng so với năm 2021 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

LƯU LƯỢNG DÒNG CHẢY CỦA SÔNG BA VÀ SÔNG ĐỒNG NAI

(Đơn vị : m³/s)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Sông Ba	129	77,1	47,3	44,9	85	170	155	250	366	682	935	332
Sông Đồng Nai	103	66,2	48,4	59,8	127	417	751	1345	1317	1279	594	239

Cho biết chênh lệch số tháng lũ giữa sông Ba và sông Đồng Nai.

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá ở nước ta giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2020	2021
Tiêu chí				
Trị giá xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	336,1
Trị giá nhập khẩu	84,8	165,7	262,8	332,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Cho biết ngoại thương Việt Nam có trị giá nhập siêu nhỏ nhất vào năm nào?

.....HẾT ĐỀ.....